**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

1. **THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM (“QUỸ”)**

**1.1 Mục tiêu của Quỹ**

Mục tiêu của Quỹ được đặt ra phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

**1.2 Hiệu quả hoạt động của Quỹ**

Theo báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ đã được soát xét, tính đến kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là 14,2% so với giá trị tài sản ròng của quỹ đầu kỳ báo cáo; Trong khi giá trị của danh mục cơ cấu thay đổi là 6,1%.

**1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ**

Chiến lược đầu tư của Quỹ là đầu tư năng động vào các loại chứng khoán vốn của các công ty hoạt động trên thị trường chứng khoán Việt Nam, trái phiếu chuyển đổi cùng với các loại chứng khoán nợ (bao gồm, nhưng không giới hạn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam…), giấy tờ có giá và các công cụ thị trường tiền tệ. Theo phân loại trong danh mục này, trái phiếu chuyển đổi sẽ là một phần trong danh mục chứng khoán nợ. Trong điều kiện bình thường, Quỹ sẽ duy trì mục tiêu phân bổ đầu tư bao gồm khoảng 20% giá trị tài sản ròng của quỹ vào chứng khoán nợ và tiền, và khoảng 80% vào chứng khoán vốn, ưu tiên đầu tư vào cổ phiếu các công ty có vốn hoá lớn và vừa có tiềm năng tăng trưởng cao. Trong một số trường hợp, khi điều kiện vĩ mô và tình hình thị trường thay đổi, Quỹ có thể thay đổi tỷ lệ phân bổ tài sản giữa cổ phiếu và trái phiếu ở mức +/-10% giá trị tài sản ròng so với tỷ trọng mục tiêu nhằm nắm bắt tốt nhất cơ hội tăng trưởng hoặc giảm thiểu rủi ro cho danh mục đầu tư.

**1.4 Phân loại Quỹ**

Quỹ là quỹ công chúng dạng mở.

**1.5 Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ**

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

**1.6 Mức độ rủi ro ngắn hạn**

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn trung bình – cao.

**1.7 Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ**

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 20 tháng 5 năm 2004.

**1.8 Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016, giá trị tài sản ròng của Quỹ là 817,737,149,147 Đồng Việt Nam, tương ứng với 27,947,176.36 Chứng chỉ Quỹ.

**1.8 Chỉ số tham chiếu của Quỹ**

Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)**

**1 THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM (tiếp theo)**

**1.10 Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ**

Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

**1.11 Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ ở thời điểm báo cáo**

Quỹ không có phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư từ khi chuyển đổi cho đến ngày 30 tháng 9 năm 2016.

1. **SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG**

**2.1. Cơ cấu tài sản của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cơ cấu tài sản quỹ** | **30-09-16** | **30-09-15** | **30-09-14** |
|  |  |  |  |
| Danh mục chứng khoán | 74.00% | 82.58% | 87.95% |
| Tài sản khác | 26.00% | 17.42% | 12.05% |
|  |  |  |  |
| **Cộng** | **100.00%** | **100.00%** | **100.00%** |

**2.2 Chi tiết chỉ tiêu hoạt động**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **30-09-16** | **30-09-15** | **30-09-14** |
|  |  |  |  |
| Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND) | 817,737,149,147 | 612,934,802,854 | 973,977,604,410 |
| Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (VND) | 27,947,176.36 | 27,002,276.09 | 42,346,468.65 |
| Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) (VND) | 29,260.09 | 22,699.37 | 23,000.20 |
| Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | 29,392.22 | 23,907.06 | 23,917.23 |
| Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | 22,094.14 | 19,727.50 | 18,812.26 |
|  |  |  |  |
| Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND) | N/A | N/A | N/A |
| Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | N/A | N/A | N/A |
| Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | N/A | N/A | N/A |
| Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | -102.19% | 587.38% | N/A |
| *Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)* | -98.22% | 61.07% | N/A |
| *Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)* | -3.97% | 526.32% | N/A |
| Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ (VND) | Không có | Không có | Không có |
| Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ (VND) |  |  |  |
| Không có | Không có | Không có |
| Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) |  |  |  |
| Không có | Không có | Không có |
| Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 2.21% | 2.28% | 2.32% |
| Tốc độ vòng quay danh mục (%) | 105.90% | 92.52% | 106.57% |
|  |  |  |  |

**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)**

**2 SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)**

**2.3 Tăng trưởng qua các thời kỳ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)** | **Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)** |
| 1 năm | 28,90 | 28,90 |
| 3 năm | 55,66 | 15,89 |
| Từ khi thành lập | 266,10 | 10,98 |

**2.4. Tăng trưởng hàng năm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thời kỳ | 30/09/2016 | 30/09/2015 | 30/09/2014 | 30/09/2013 |
| Tỷ lệ tăng trưởng (%)/ 1 đơn vị CCQ | 28,90 | -1,31 | 22,36 | 29,38 |

1. **MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ**

**3.1 Tăng trưởng GDP quý III/2016**

Tăng trưởng GDP cho quý 3 đạt 6,4% so với quý trước đó, nguyên nhân cho mức tăng trưởng thấp hơn kế hoạch chủ yếu do tăng trưởng của sản xuất nông nghiệp và khai khoáng (do giá dầu thấp) đã kéo lùi sự tăng trưởng chung. Tuy nhiên mức tăng trưởng GDP quý 3 đã xác nhận xu hướng phục hồi của tốc độ tăng trưởng qua các quý. Tuy nhiên, số liệu tăng trưởng GDP quý 3 cho thấy mục tiêu tăng trưởng GDP 6,7% cho cả năm trở nên khó khăn hơn bao giờ hết. Để đạt được mực tiêu tăng trưởng 6,7% cho cả năm, tăng trưởng GDP quý 4 2016 cần đạt mức 7,7%, là mức tăng trưởng quý cao hơn đáng kể so với mức tăng trưởng trong quý 4 các năm gần đây (2014: 6,8%; 2015: 7%). Chính phủ đã công bố các biện pháp thúc đẩy tăng trưởng trong quý 4 2016, trong đó có thể nhận thấy rõ rệt nhất là việc điều chỉnh giảm lãi suất huy động của các ngân hàng thương mại lớn. Dự kiến tăng trưởng GDP quý 4 2016 sẽ được thúc đẩy bởi việc gia tăng giải ngân vốn đầu tư nhà nước và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Bên cạnh đó tiêu dùng trong nước tăng ổn định và gia tăng đáng kể lượng khách du lịch nước ngoài cũng thúc đấy GDP quý 4 2016 tăng trưởng tốt hơn. Dự báo cho thấy tăng trưởng GDP quý 4 2016 có thể đạt mức 6,8%-7%, tương ứng với mức tăng trưởng cho cả năm 2016 từ 6,2% tới 6,3%. Đây cũng là mục tiêu hướng tới của chính phủ khi cho rằng tăng trưởng GDP cả năm 2016 sẽ cao hơn mức 6%.

**3.2 Cán cân thanh toán tổng thể thặng dư cao**

Các số liệu từ Ngân hàng Nhà nước cho thấy cán cân thanh toán tổng thể của Việt Nam đạt mức dương 6,8 tỷ USD vào cuối tháng 6 năm 2016. Mức thặng dư này tăng mạnh so với mức dương 910 triệu USD vào thời điểm cuối năm 2015 và dương 3,6 tủ USD vào cuối quý 1 2016. Lý do cho việc tăng trưởng dương của cán cân thành toán tổng thể trong nửa đầu năm 2016 là việc đẩy mạnh giải ngân FDI, thặng dự thương mại và kiều hổi (xem chi tiết tại bản tin Vĩ mô VFM tháng 7 2016). Sau 9 tháng của năm 2016, FDI đã giải ngân được 11,02 tỷ USD, thăng dự thương mại 2,55 tỷ USD và lượng kiều hối chuyển về thành phố Hồ Chí Minh sau 8 tháng đạt 2,9 tỷ USD. Diễn biến cho thấy khả năng cán cân thanh toán tổng thể của Việt nam sẽ tiếp tục dương ở mức cao trong 6 tháng cuối năm 2016 khi các yếu tố tác động tới sự thay đổi của cán cân thanh toán vẫn đang biến động trong xu hướng tích cực. Dự kiến cả năm 2016, giá trị FDI giải ngân đạt mức 14,5 tỷ USD, lượng tiền kiều hối tiếp tục tăng ở mức 4,5% so với năm 2015 đạt 12,8 tỷ USD và cán cân thương mại tiếp tục dương. Việc duy trì được cán cân thanh toán tổng thể dương sẽ hỗ trợ Ngân hàng Nhà nước trong việc phát huy tối đa công cụ chính sách tiền tệ để ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng như trong giai đoạn 9 tháng đầu năm 2016

**3.3 Sản xuất công nghiệp tăng trưởng ổn định**

Sản xuất công nghiệp vẫn duy trì được xu hướng tăng trưởng ổn định từ đầu năm. Số liệu chỉ số PMI công bố cho tháng 9 2016 đã tăng từ mức 52,2 (tháng 8) lên 52,9. Như vậy chỉ số PMI đã tăng liệu tục trong cả 3 tháng của quý 3 2016 và xu hướng tăng đã được củng cố rõ ràng với việc số lượng đơn đặt hàng tăng 10 tháng liên tiếp, gia tăng mạng việc tuyển dụng công nhân, tăng giá đầu ra lần đầu tiên sau bốn tháng. Khảo sát của IHS Markit cũng cho thấy sự lạc quan của các công ty sản xuất đối với việc sản xuất công nghiệp sẽ tiếp tục tăng trưởng trong các tháng sắp tới. Theo công bố của Tổng cục thống kê, chỉ số công nghiệp tháng 9 tăng 7,6% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng trong tháng 8 (7,5%), sau 9 tháng chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 7,4% (mức tăng 9 tháng năm 2015 là 9,9%). Tuy nhiên nguyên nhân chính làm suy giảm tăng của chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp trong 9 tháng đầu năm 2016 là sự suy giảm đột biến của ngành khai khoáng (giảm 4,1% so với cùng kỳ năm trước, làm giảm 0,9% mức tăng trưởng chung) do tác động của giá dầu. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (là ngành thu hút chủ yếu FDI trong năm 2016) có tốc độ tăng trưởng cao, đạt 10,4% so với cùng kỳ năm trước. Dự kiến tốc độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp sẽ tăng nhẹ trong quý 4 2016.

**3.4 Chính sách tiền tệ phát huy hiệu quả**

Trong 9 tháng đầu năm 2016, công cụ chủ yếu được Chính phủ sử dụng để điều tiết kinh tế vĩ mô là chính sách tiền tệ. Chính sách tài khóa đã không được sử dụng do Chính phủ không còn khoảng trống cho việc sử dụng công cụ này khi ngân sách đang thâm hụt ở mức tối đa được phép và vay nợ đã tiếp cận mức trần được Quốc hội cho phép. Tuy nhiên công cụ chính sách tiền tệ đã phát huy tối đa hiệu quả và mang lại sự ổn định cho nền kinh tế. Chính sách tỷ giá trung tâm được áp dụng từ 1/1/2016 và việc SBV thực hiện tốt vai trò người mua bán cuối cùng trên thị trường ngoại tệ đã ổn định tỷ giá VND-USD. Việc SBV mua vào 10,7 tỷ USD trong 9 tháng đầu năm đưa vào dự trữ đã làm thanh khoản thị trường liên ngân hàng được cải thiện rõ rệt. Chính sách này của SBV đã được nhiều mục đích bao gồm việc duy trì lãi suất cho vay ổn định ở mức thấp so với các năm trước và tạo sự ổn định cần thiết trên thị trường liên ngân hàng phục vụ cho việc tái cơ cấu các ngân hàng yếu. Tình hình hiện tại cho thấy chính sách tiền tệ sẽ tiếp tục là công cụ chính của chính phủ khi công cụ tài khóa chưa lấy lại được sức mạnh cần thiết. Với việc gia tăng bán tài sản, nguồn vốn đầu tư sẽ tiếp tục được cải thiện trong năm 2017 và là cơ sở cho việc sử dụng các chính sách tài khóa. Trong 6 tháng tới, các chính sách tiền tệ sẽ tiếp tục duy trì như trong 9 tháng đầu năm 2016 và tiếp tuc phát huy hiệu quả.

**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)**

1. **CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**:

**4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **1 năm đến thời điểm báo cáo (%)** | **3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)** | **Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)** |
|  |  |  |  |
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ | -0.04 | N/A | N/A |
| Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ | -0.98 | N/A | N/A |
| Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ | -1.02 | N/A | N/A |
| Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ | 28.90 | 15.98 | 10.98 |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu | N/A | N/A | N/A |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ | N/A | N/A | N/A |
|  |  |  |  |

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **30-09-16** | **30-09-15** | **Tỷ lệ thay đổi** |
|  | **1** | **2** | **3=((1)-(2))/(2)** |
|  |  |  |  |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ | 817,737,149,147 | 612,934,802,854 | 33.41% |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ | 29,260.09 | 22,699.37 | 28.90% |
|  |  |  |  |

Trong giai đoạn 30/09/2015-30/09/2016, quỹ VFMVF1 có giá trị tài sản ròng (NAV) trên một chứng chỉ quỹ tăng trưởng 28.9% do lợi nhuận từ kết quả đầu tư và tăng trưởng của danh mục chứng khoán. Tổng giá trị tài sản ròng (NAV) tăng trưởng 33.41%, cao hơn tăng trưởng của NAV/chứng chỉ quỹ do nhà đầu tư thực hiện mua vào chứng chỉ quỹ VF1, khiến cho quỹ có tăng trưởng trong quy mô và tổng tài sản.

**4.2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Quy mô nắm giữ (Đơn vị)** | **Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ** | **Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ** | **Tỷ lệ nắm giữ** |
| **(%)** |
|  |  |  |  |
| Dưới 5.000 | 2,593 | 2,109,795.07 | 7.55 |
| Từ 5.000 đến 10.000 | 90 | 712,464.30 | 2.55 |
| Từ 10.000 đến 50.000 | 77 | 1,853,227.05 | 6.63 |
| Từ 50.000 đến 500.000 | 29 | 4,010,057.74 | 14.35 |
| Trên 500.000 | 4 | 19,261,632.20 | 68.92 |
|  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | 2,793 | 27,947,176.36 | 100 |

**4.3 Chi phí ngầm và giảm giá**

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ ETF VFMVN30, Công ty qui định tất cả các nhân viên của công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ ETF VFMVN30 với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cập dịch vụ cho Quỹ.

**5 THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG**

Thị trường chứng khoán năm 2016 mở đầu bằng những thông tin kinh tế không khả quan của Trung Quốc cũng như áp lực rút vốn mạnh mẽ khỏi các thị trường mới nổi khi Cục dự trữ liên bang Mỹ có dự định tiếp tục tăng lãi suất trong năm 2016. Ngược chiều với những thông tin không tốt từ kinh tế thế giới, kinh tế Việt Nam lại đang trong quá trình phục hồi và phát triển tốt. Do vậy, thông tin tốt xấu đan xen sẽ phân hóa các ngành cũng như cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Các cổ phiếu có thị phần lớn trong nước, nhập khẩu nguyên vật liệu từ thế giới sẽ có lợi khi nhu cầu trong nước vẫn phát triển tốt, giá nguyên vật liệu trong xu hướng giảm khi Trung Quốc là nước sử dụng nhiều nguyên vật liệu nhất đang phát triển chậm lại như ngành Thực phẩm & NGK, Bán lẻ. Các nhóm ngành phụ thuộc vào xuất khẩu, có hàng hóa cạnh tranh với hàng hóa Trung Quốc sẽ bị ảnh hưởng khi Trung Quốc đang trong giai đoạn tái cơ cấu nền kinh tế như ngành Vật liệu thép.

Ngoài những công ty có thị phần nội địa lớn hưởng lợi từ việc giá nguyên vật liệu rẻ và nhu cầu trong nước tốt thì những ngành có liên quan đến thị trường bất động sản cũng sẽ tăng trưởng tốt trong năm 2016 khi lượng giao dịch mua bán bất động sản tăng trưởng rất mạnh trong năm 2015. Những ngành được hưởng lợi khi thị trường bất động sản tăng trưởng là những ngành thuộc sản xuất vật liệu xây dựng, kinh doanh bất động sản, hàng hóa công nghiệp.

Thêm vào đó, với việc gia nhập hàng loạt các hiệp định thương mại song phương và đa phương như FTA, TPP, dòng tiền đầu tư trực tiếp nước ngoài sẽ được thu hút mạnh vào Việt Nam nhằm tận dụng các điều khoản thuế suất cũng như ưu đãi của các nước nằm trong hiệp định. Do đó, hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước cũng sẽ được thúc đẩy nhờ vào dòng vốn nước ngoài. Các ngành Vận tải, logistic, Dệt may… cũng có nhiều lợi thế cho tăng trưởng.

**6 THÔNG TIN KHÁC**

**Nhân sự điều hành Quỹ gồm có:**

* Bà Lương Thị Mỹ Hạnh, Thạc sỹ Kinh tế. Bà hiện là Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam từ năm 2010 đến nay.
* Bà Phan Thị Thu Thảo, Thạc sỹ Quản Trị Kinh Doanh. Bà hiện là Trưởng phòng quản lý danh mục đầu tư Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam từ năm 2010 đến nay.

**Ban Đại diện Quỹ gồm có:**

* Ông Lưu Đức Khánh, Chủ tịch, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Quốc tế. Ông hiện là Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng HDBank từ năm 2009 đến nay đồng thời là Giám đốc điều hành Công ty cổ phần hàng không Vietjet từ năm 2011 đến nay.
* Ông Đặng Thái Nguyên, Thành viên, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Quốc tế. Ông từng là Giám đốc Ngân hàng TMCP Bắc Á – CN Thanh Hóa từ năm 2003 đến năm 2006 và hiện là Tổng giám đốc Công ty CP Chứng khoán Việt từ năm 2006 đến nay.
* Bà Lê Thị Thu Hương, Thành viên, Cử nhân Kế toán – Kiểm toán. Bà từng là Phó giám đốc công ty TNHH kiểm toán AS từ năm 2011 đến năm 2012 và hiện là Phó Tổng giám đốc công ty TNHH kiểm toán Đại Tín từ năm 2012 đến nay.
* Bà Phạm Thị Thanh Thúy, Thành viên, Luật sư. Bà hiện là Trưởng phòng Pháp chế tuân thủ Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam.

**Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ gồm có:**

* Ông Trần Thanh Tân, Tổng Giám đốc, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh. Ông hiện là Tổng giám đốc từ năm 2003 đến nay.
* Bà Lương Thị Mỹ Hạnh, Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu , Thạc sỹ Kinh tế. Bà hiện là Phó tổng Giám đốc từ năm 2010 đến nay.
* Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh, Phó tổng giám đốc – Giám đốc tài chính, Thạc sỹ Tài chính – kinh tế. Ông hiện là Phó tổng Giám đốc từ năm 2011 đến nay.
* Ông Trần Lê Minh, Phó tổng giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội, Thạc sỹ Quản trị Tài chính. Ông hiện là Phó tổng Giám đốc từ năm 2011 đến nay.
* Ông Trần Văn Hiếu, Quyền phó tổng giám đốc – Khối huy động vốn, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh. Ông từng là Giám đốc điều hành công ty Pana Harrison Asia Limited insurance broker Việt Nam từ năm 2010 đến năm 2012, Giám đốc Dự án công ty Generali Việt Nam từ năm 2012 đến năm 2014, Giám đốc Huy động vốn cao cấp Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam từ năm 2014 đến năm 2015 và hiện là Quyền phó tổng giám đốc – Khối huy động vốn từ 2016 đến nay.

|  |  |
| --- | --- |
| Tp.HCM, ngày tháng 10 năm 2016  **Tổng Giám đốc**  **TRẦN THANH TÂN** |  |